TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 6 - 2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Văn Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Kim Đồng**

2. Bà **Nguyễn Thị Mến**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Đặng Hoàng Minh** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên..

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thu D**, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Quốc S**, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 05 tháng 01 năm 2022, nguyên đơn chị Phạm Thu D trình bày: Giữa chị và anh S thành hôn vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận vào ngày 18/9/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian chung sống được 06 năm lúc đầu hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu

thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải và vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh S có được 02 con chung tên Huỳnh Nhật Th, sinh ngày 11/02/2014 và Huỳnh Thảo My, sinh ngày 18/3/2015 hiện đang sống chung với anh S. Nay ly hôn chị đồng ý giao hai con chung cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/02 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản: Để vợ chồng tự thỏa thuận nên chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh S biết, đồng thời triệu tập anh S đến Tòa án nhưng phía bị đơn anh S không đến Tòa án và cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về việc yêu cầu khởi kiện của chị D. Do chị D có đơn xin vắng mặt và anh S vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa chị D và anh S được. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 13/4/2022, ông Huỳnh Phú T trình bày: Ông là cha ruột của anh Huỳnh Quốc S, hiện tại anh S vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Việc chị D ly hôn với anh S, gia đình đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án, sau khi nhận gia đình đã thông báo cho anh S biết, nhưng việc anh S không đến Tòa án tham gia tố tụng thì gia đình không biết. Sau khi thành hôn thì vợ chồng anh S, chị D đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh nên mâu thuẫn của anh chị gia đình không biết mà chỉ nghe anh S nói vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh S có được 02 con chung gồm cháu Huỳnh Nhật Th, sinh ngày 11/02/2014 và Huỳnh Thảo My, sinh ngày 18/3/2015 hiện đang sống với anh S và cuộc sống của các cháu cũng đảm bảo.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng

xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc nguyên đơn chị D xin vắng mặt tại phiên tòa hôm nay và có làm đơn xin xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh S vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nên bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thu D, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho nguyên đơn chị Phạm Thu D được ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Quốc S.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Nhật Th, sinh ngày 11/02/2014 và cháu Huỳnh Thảo My, sinh ngày 18/3/2015 cho anh Huỳnh Quốc S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thu D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/02 con chung, thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày 06/6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thu D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thu D có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn xin ly hôn của chị Phạm Thu D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết cho chị ly hôn với anh Huỳnh Quốc S cư trú tại ấp T, xã B, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh

Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Việc nguyên đơn chị Phạm Thu D vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng nguyên đơn có làm đơn xin vắng mặt nên việc chị vắng mặt là phù hợp theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Huỳnh Quốc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh S không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị D và anh S theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Giữa chị Phạm Thu D và anh Huỳnh Quốc S có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thi trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận vào ngày 18/9/2012 là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu anh chị sống có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải và vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ cho anh S, nhưng anh S vẫn vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D và chị D có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được giữ chị D với anh S cho thấy anh, chị không muốn nếu kéo cuộc hôn nhân này, đời sống hôn nhân của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy trong thời gian chung sống chị D và anh S có 02 con chung tên Huỳnh Nhật Th, sinh ngày 11/02/2014 và Huỳnh Thảo My, sinh ngày 18/3/2015 hiện đang sống trực tiếp với anh S. Nay ly hôn chị D đồng ý giao con chung cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/02 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, các cháu sống với anh S cuộc sống cũng đảm bảo và được học

hành đàn hoàn. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Quốc S không có ý kiến gì về việc chị D giao con chung cho anh nuôi và cũng không có yêu cầu gì đối với chị D. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, tiếp tục giao cháu Huỳnh Nhật Th, sinh ngày 11/02/2014 và cháu Huỳnh Thảo My, sinh ngày 18/3/2015 cho anh Huỳnh Quốc S trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận chị Phạm Thu D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/02 con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày 06/6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thu D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Xét lời đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thu D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các vào Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thu D,

cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thu D được ly hôn với anh Huỳnh Quốc S.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Nhật Th, sinh ngày 11/02/2014 và cháu Huỳnh Thảo My, sinh ngày 18/3/2015 cho anh Huỳnh Quốc S trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận chị Phạm Thu D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/02 con chung, thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày 06/6/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thu D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Phạm Thu D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thu D có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí xin ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu số 0014228 ngày 06/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn thu, còn lại 300.000 đồng buộc chị D nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Văn Phương

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- CCTHADS huyện Trà Ôn;
- UBND thị trấn Tân Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.